

Số: **899/QĐ-BTNMT**

Hà Nội, ngày **15** tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, Sở TN&MT các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Ban cán sự đảng Bộ, Đảng ủy Bộ, Công đoàn Bộ, Đoàn Thanh niên CSHCM Bộ, Hội Cựu chiến binh cơ quan Bộ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TCCB, Quỹ BVMTVN, ĐH.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quang

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-BTNMT
ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quỹ) là Quỹ Bảo vệ môi trường quốc gia, là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan của Nhà nước.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu và bảng cân đối kế toán riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi:

Tên tiếng Việt: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Tên giao dịch quốc tế: Viet Nam Environment Protection Fund;

Tên viết tắt: VEPF;

Website: www.vepf.vn;

Email: quybvmtvn@vepf.vn;

Số điện thoại: 844.3941.2138; Fax: 844.3942.6329.

2. Quỹ có trụ sở chính đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 3. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

1. Mục tiêu

Quỹ tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ, các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường mang tính quốc gia, liên ngành, liên vùng hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng phạm vi ảnh hưởng lớn; các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn quốc.

2. Nguyên tắc hoạt động

a) Quỹ là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về các hoạt động tài chính của các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và Kiểm toán nhà nước.

c) Quỹ hoạt động công khai, minh bạch, bình đẳng và đúng pháp luật.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Điều 5. Quản lý nhà nước

Quỹ chịu sự quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Quỹ

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Quỹ hình thành, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Quỹ là 1.000 (một nghìn) tỷ đồng, được ngân sách nhà nước cấp dần trong 3 năm (2015 - 2017); đến năm 2017 được cấp đủ 1.000 (một nghìn) tỷ đồng.

2. Việc tăng vốn điều lệ của Quỹ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

Điều 8. Nguồn vốn hoạt động bổ sung hằng năm

a) Ngân sách nhà nước chi sự nghiệp môi trường cấp bù kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã thực hiện hằng năm và bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ. Hằng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp

nhu cầu sử dụng vốn từ nguồn chi sự nghiệp môi trường của Quỹ gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định;

b) Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường và đa dạng sinh học nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Lệ phí bán, chuyển các chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) thu được từ các dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (CDM) thực hiện tại Việt Nam. Đối tượng nộp lệ phí bán, mức thu lệ phí bán/chuyển CERs theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

e) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc tiếp nhận các nguồn vốn bổ sung hằng năm được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Điều 9. Đối tượng được hỗ trợ tài chính và các hình thức hỗ trợ tài chính

1. Đối tượng được hỗ trợ tài chính từ Quỹ là tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án đầu tư hoặc phương án đề nghị tài trợ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; các dự án đầu tư thực hiện việc phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường mang tính quốc gia, liên ngành, liên vùng hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng có phạm vi ảnh hưởng lớn (sau đây gọi chung là các Dự án đầu tư); các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn quốc.

Đối tượng được hỗ trợ tài chính phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện đối với từng phương thức hỗ trợ tài chính quy định tại Điều lệ này.

2. Hình thức hỗ trợ

Quỹ hỗ trợ tài chính cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 9 dưới các hình thức:

a) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi;

b) Hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các Dự án đầu tư vay vốn từ các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;

c) Tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường: xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra, các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về quản lý, khai thác tài

nguyên và môi trường biển và hải đảo; thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ trao các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; thực hiện các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được quy định tại Điều lệ này;

d) Hợp tác với các tổ chức tài chính, các quỹ môi trường trong và ngoài nước để đồng tài trợ, cho vay vốn các dự án bảo vệ môi trường phù hợp với các tiêu chí và chức năng, nhiệm vụ của Quỹ;

e) Chi hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về cơ chế phát triển sạch (sau đây gọi tắt là CDM); thực hiện trợ giá cho các sản phẩm của dự án CDM theo quy định của pháp luật;

g) Hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió nổi lưới điện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và theo quy định pháp luật hiện hành;

h) Hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường giao;

k) Các khoản chi khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Đối tượng được vay vốn với lãi suất ưu đãi:

Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, có nhu cầu và đề nghị vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Điều lệ này.

2. Yêu cầu đối với đối tượng vay vốn:

a) Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

c) Có khả năng tài chính đảm bảo trả hết nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

d) Có dự án đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Việt Nam khả thi, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ của Quỹ.

3. Trình tự thủ tục vay vốn, mức vốn và thẩm quyền quyết định mức cho vay, thời hạn vay vốn, lãi suất cho vay, phân loại nợ, trích lập, sử dụng quỹ dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro, bảo đảm tiền vay đối với hoạt động cho vay thực hiện theo Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và các quy định hiện hành.

Điều 11. Hỗ trợ lãi suất vay vốn

1. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn:

Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Điều lệ này có vay vốn của tổ chức tín dụng khác thì được xem xét, hỗ trợ lãi suất vay vốn từ Quỹ.

2. Nguyên tắc, điều kiện dự án đầu tư được xem xét hỗ trợ lãi suất vay vốn:

a) Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và hoàn trả được vốn vay cho tổ chức tín dụng;

b) Dự án đã được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở Trung ương hoặc địa phương xác nhận thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc đã giải quyết được các vấn đề môi trường;

c) Dự án chưa được vay vốn hoặc tài trợ bằng nguồn vốn hoạt động từ Quỹ.

Việc cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn được tiến hành hằng năm trên cơ sở số nợ gốc và lãi vay đầu tư dự án mà chủ đầu tư đã trả cho tổ chức tín dụng (không bao gồm các khoản nợ quá hạn).

4. Mức hỗ trợ lãi suất vay vốn và thẩm quyền quyết định:

a) Mức hỗ trợ lãi suất vay vốn thực hiện theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Giám đốc Quỹ quyết định mức hỗ trợ lãi suất vay trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp; trên mức quyết định của Giám đốc Quỹ sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 12. Tài trợ và đồng tài trợ

1. Đối tượng được xem xét tài trợ bao gồm các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường như sau:

a) Xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó khắc phục hậu quả do sự cố môi trường hoặc thiên tai gây ra;

b) Phổ biến, tuyên truyền về quản lý, khai thác tài nguyên môi trường biển và hải đảo, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường;

c) Tổ chức, hỗ trợ các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường;

d) Các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thủ tướng Chính phủ;

e) Các dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Điều lệ này.

2. Điều kiện được xem xét, tài trợ:

a) Dự án đầu tư được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xác nhận thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Đối với dự án đầu tư bảo vệ môi trường, phần vốn đối ứng của chủ đầu tư dự án phải có ít nhất bằng mức quy định của Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ do Bộ Tài chính ban hành trên tổng số vốn đầu tư để thực hiện dự án;

c) Hồ sơ xin tài trợ hoặc đồng tài trợ được Quỹ chấp thuận và tiến hành ký hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin tài trợ và đồng tài trợ, giám sát quá trình tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

4. Mức tài trợ và thẩm quyền quyết định mức tài trợ:

a) Mức tài trợ tối đa đối với các dự án đầu tư xin tài trợ thực hiện theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ cho phép;

b) Giám đốc Quỹ quyết định mức tài trợ trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp; trên mức thẩm quyền của Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

5. Quỹ phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đồng tài trợ cho các dự án đầu tư được quy định tại Khoản 1 Điều này.

6. Việc sử dụng nguồn để tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 13. Nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu

1. Đối tượng ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được phép ký quỹ:

a) Nộp tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản tại Quỹ hoặc theo quy định của pháp luật;

b) Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất tiền gửi theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức, cá nhân chỉ được rút tiền lãi sau khi có giấy xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Trách nhiệm của Quỹ:

a) Tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản;

b) Xác nhận đã ký quỹ cho tổ chức, cá nhân và gửi cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án hoặc đề án bổ sung, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường địa phương;

c) Hoàn trả tiền ký quỹ và lãi suất tiền ký quỹ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tiền ký quỹ theo đúng quy định của pháp luật;

đ) Đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản ký quỹ đúng hạn; kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định về nộp tiền ký quỹ.

4. Trình tự, thủ tục nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

5. Nhận ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu theo quy định của Chính phủ.

Điều 14. Thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (CDM) và biến đổi khí hậu

1. Tổ chức theo dõi, quản lý thu lệ phí bán/chuyển Chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) được Ban chấp hành quốc tế về CDM cấp cho các dự án CDM thực hiện tại Việt Nam;

2. Hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch; xem xét, phê duyệt tài liệu dự án CDM; quản lý và giám sát dự án CDM;

3. Thực hiện trợ giá đối với các sản phẩm của dự án CDM.

4. Hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió, điện sinh khối và điện từ năng lượng tái tạo khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Gửi tiền tại các ngân hàng, mua trái phiếu Chính phủ

Quỹ được phép sử dụng vốn nhàn rỗi để gửi tại các ngân hàng thương mại hoặc mua trái phiếu Chính phủ nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ.

Điều 16. Tham gia các chương trình, dự án, đề án và nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền

1. Quỹ huy động các nguồn lực cần thiết để tham gia điều phối, quản lý tài chính các chương trình, dự án, đề án và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trọng điểm theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thủ tướng Chính phủ.

Điều 17. Giám sát, kiểm tra các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức, cá nhân có sử dụng vốn của Quỹ trong quá trình triển khai các hoạt động, nhiệm vụ và các dự án bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn của Quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng đã được cam kết trong các hợp đồng, văn bản tài liệu đã ký kết giữa các tổ chức, cá nhân này và Quỹ.

2. Trường hợp phát hiện các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước, Quỹ có quyền rút vốn vay, đình chỉ hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ đối với các chủ đầu tư và khởi kiện tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Việc giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các chủ đầu tư sử dụng vốn của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Mời Chuyên gia

Quỹ được mời các chuyên gia của các Bộ, ngành và tổ chức có liên quan tham gia Hội đồng thẩm định các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường xin tài trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư và phục vụ cho các hoạt động khác của Quỹ.

Điều 19. Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước

1. Quỹ được quan hệ trực tiếp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được trao đổi, hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, Quỹ môi trường toàn cầu (GEF), các Quỹ môi trường ngoài nước, các Quỹ môi trường ngành, địa phương và các quỹ khác theo quy định của pháp luật để thực hiện việc đồng tài trợ, cho vay vốn đối với các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với quy định của Điều lệ này.

3. Giám đốc Quỹ quyết định việc hợp tác, tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung từ các tổ chức, cá nhân trong nước.

Việc hợp tác, tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi đã báo cáo và có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ QUỸ

Mục 1

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 20. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm Chủ tịch và các ủy viên. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; các ủy viên bao gồm: Giám đốc Quỹ và đại diện lãnh đạo cấp Vụ của các Bộ, cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Giám đốc Quỹ là ủy viên làm việc theo chế độ chuyên trách của Hội đồng quản lý Quỹ; các thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
- b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác;
- d) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được thay thế trong những trường hợp sau:

- a) Xin từ chức;
- b) Khi có văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản;
- c) Không đảm bảo sức khỏe đảm nhận công việc;
- d) Bị miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Quản lý Quỹ theo quy định tại Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và định hướng các hoạt động của Quỹ.

3. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

4. Ban hành các văn bản quy định về quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát.

5. Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về tín dụng đầu tư, Điều lệ của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, xem xét các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát.

8. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn các dự án đầu tư được hỗ trợ tài chính trong từng thời kỳ. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cơ chế ưu đãi, phạm vi ưu đãi, hỗ trợ các sản phẩm và dự án bảo vệ môi trường.

9. Quyết định cho vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ, và các hoạt động nghiệp vụ khác theo thẩm quyền.

10. Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng bộ máy của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ.

11. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ.

2. Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản lý Quỹ trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và gửi các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

3. Ký, ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Triệu tập, chủ trì và phân công các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản lý thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng. Thành viên được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

6. Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; Trưởng Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên.

7. Phân công Giám đốc Quỹ quản lý các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

8. Chịu trách nhiệm về các quyết định trước Hội đồng Quản lý Quỹ và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 23. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể; ba tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ.

Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể tổ chức họp bất thường theo đề nghị của trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ để giải quyết những vấn đề cấp bách, quan trọng của Quỹ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho một thành viên trong Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì cuộc họp.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi ít nhất có 2/3 tổng số thành viên có mặt. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và được chuyển đến tay Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chậm nhất là một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được trên 50% tổng số thành viên tham dự biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính

trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi Chính phủ không có ủy viên tham gia Hội đồng quản lý Quỹ thì mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức cơ quan đó tham dự phiên họp; đại diện của các cơ quan này có quyền phát biểu nhưng không được tham gia biểu quyết.

5. Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ có tính chất bắt buộc thi hành đối với Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức Cơ quan điều hành nghiệp vụ thực hiện.

6. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, kể cả tiền phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và bộ phận giúp việc Hội đồng quản lý Quỹ được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ chuyên trách, số lượng tối đa không quá 05 (năm) thành viên. Ban Kiểm soát có 01 (một) Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban. Thành viên Ban kiểm soát là các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực tài chính, tín dụng, đầu tư và bảo vệ môi trường; hiểu biết pháp luật; không có tiền án, tiền sự về các tội danh liên quan đến hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật. Kiểm soát viên phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 71 của Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 03 (ba) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ và nghĩa vụ của mình.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.

2.1. Nhiệm vụ

a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ, trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ;

b) Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo đánh giá công tác quản lý và báo cáo khác trước khi trình Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ. Định kỳ hằng quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ;

c) Khi cần thiết, kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính của Quỹ để báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan;

d) Kiến nghị Hội đồng quản lý Quỹ, Bộ Tài nguyên và Môi trường các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc, thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch của Quỹ.

2.2. Quyền hạn

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ; được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý Quỹ, họp Ban Giám đốc, họp các chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban Kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

b) Được sử dụng kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Quỹ, thuê chuyên gia tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của mình;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ;

d) Các nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản lý Quỹ.

2.3. Nghĩa vụ

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Hội đồng quản lý Quỹ ban hành trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

b) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách độc lập, trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và của Nhà nước;

c) Bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ, không lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không sử dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Hội đồng quản lý Quỹ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

Mục 3

CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH NGHIỆP VỤ

Điều 25. Cơ cấu tổ chức của Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng nghiệp vụ.
2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.

Điều 26. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Quỹ ở trong và ngoài nước; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ này.

2. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và trong quan hệ quốc tế liên quan đến hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc Quỹ do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường giao cho Quỹ.

2. Tổ chức, quản lý và điều hành mọi hoạt động của Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ; quyết định các vấn đề có liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Quỹ.

3. Chỉ đạo xây dựng quy định lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn các dự án đầu tư được hỗ trợ tài chính trong từng thời kỳ và các văn bản khác có liên quan trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

4. Quyết định cho vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ, và các hoạt động nghiệp vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi, thẩm quyền được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phân công.

5. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng vốn và các nguồn lực khác do cơ quan có thẩm quyền giao.

6. Được thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của Quỹ.

7. Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

8. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm cấp trưởng các tổ chức trực thuộc Quỹ, sau khi được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt chủ trương; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm cấp phó các tổ chức trực thuộc Quỹ, sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

9. Quyết định việc tuyển dụng, sử dụng lao động theo yêu cầu của công việc phù hợp với các quy định của pháp luật;

10. Khen thưởng, kỷ luật đối với tập thể, cá nhân trong Quỹ theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

11. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

12. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

14. Ban hành các văn bản quy định về:

- a) Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;
- b) Tổ chức hoạt động kiểm tra và kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật;
- c) Chế độ lương, thưởng và phúc lợi xã hội đối với người lao động phù hợp với các quy định của pháp luật;
- d) Các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước và các văn bản khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

15. Trình Hội đồng quản lý Quỹ:

- a) Phê duyệt kế hoạch hoạt động hằng năm của Quỹ;
- b) Thông qua báo cáo tài chính gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;
- c) Đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm các chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- d) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường việc thành lập, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc giải thể các tổ chức trực thuộc;
- e) Các văn bản khác theo quy định.

16. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ này.

Điều 28. Bộ máy tham mưu, giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc Quỹ chỉ đạo, điều hành Quỹ theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

2. Kế toán trưởng giúp Giám đốc Quỹ chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính và thống kê của Quỹ, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Quỹ.

3. Các phòng nghiệp vụ:

a) Văn phòng

b) Phòng Tín dụng xử lý môi trường tập trung

c) Phòng Tín dụng xử lý môi trường không tập trung

d) Phòng Tài trợ

đ) Phòng Cơ chế phát triển sạch

e) Phòng Kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro và Pháp chế

g) Phòng Kế hoạch - Phát triển

h) Phòng Tài chính - Kế toán.

Các phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc trong việc tổ chức, quản lý và điều hành công việc của Giám đốc Quỹ thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Chương V

LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 29. Lao động và tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo Bộ Luật Lao động và hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc Quỹ (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) với người lao động.

1. Giám đốc Quỹ có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo yêu cầu hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động.

2. Những người được tuyển dụng phải có năng lực, trình độ và khả năng hoàn thành công việc theo yêu cầu của Quỹ. Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc được Quỹ cụ thể hóa khi có nhu cầu tuyển dụng.

3. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức xây dựng và ban hành Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động phù hợp với các điều kiện thực tế của Quỹ và các quy định của Bộ Luật Lao động.

Điều 30. Tiền lương

1. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức xây dựng và ban hành hệ thống thang lương, bảng lương để áp dụng đối với viên chức chuyên môn nghiệp vụ làm việc tại Quỹ và Quy chế trả lương phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, phù hợp với kết quả hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền công như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 31. Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động

1. Quyền lợi

a) Người lao động tại Quỹ được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Điều lệ này, Thỏa ước lao động tập thể đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương và các quy định của pháp luật về lao động;

b) Người lao động được thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Bộ Luật Lao động và quy định của pháp luật;

c) Người lao động trong thời gian làm việc tại Quỹ được tham gia công tác, học tập, tham quan và khảo sát ở trong nước và nước ngoài theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ

Người lao động phải chấp hành đầy đủ những thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã ký với người sử dụng lao động và Điều lệ, nội quy, quy định của Quỹ và pháp luật hiện hành.

Chương VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI CHÊNH LỆCH THU CHI TÀI CHÍNH

Điều 32. Chế độ tài chính

1. Chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm lập và xây dựng kế hoạch về vốn và sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính (kèm theo thuyết minh chi tiết) báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

3. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Quỹ.

Điều 33. Chế độ kế toán

1. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước hạch toán độc lập. Chi phí hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu nhập trừ đi tổng chi phí phát sinh trong năm.

3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm.

4. Quỹ thực hiện chế độ kế toán, chế độ báo cáo kế toán, báo cáo tài chính, thống kê theo quy định tại các văn bản pháp luật về tài chính kế toán có liên quan và hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán đối với Quỹ.

Điều 34. Kiểm toán

1. Quỹ chịu sự kiểm toán của Kiểm toán nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Quỹ được phép thuê Kiểm toán độc lập hoặc tự tổ chức kiểm toán nội bộ về các hoạt động tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán phải được báo cáo kịp thời với Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng quản lý Quỹ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 35. Báo cáo tài chính và phê duyệt báo cáo tài chính

1. Quỹ thực hiện chế độ báo cáo tài chính, chế độ thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Kết thúc năm tài chính, Quỹ phải lập báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ do Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ lập, có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát gửi cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt, trước ngày 31 tháng 3 của năm sau, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phê duyệt báo cáo quyết toán hằng năm của Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo.

Điều 36. Chênh lệch thu chi

1. Chênh lệch thu chi của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong năm tài chính.

2. Chênh lệch thu chi trong năm là dương (+) khi doanh thu lớn hơn chi phí và ngược lại, chênh lệch thu chi trong năm là âm (-) khi doanh thu nhỏ hơn chi phí.

Điều 37. Phân phối chênh lệch thu chi tài chính

1. Quỹ được trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

3. Quỹ khen thưởng được sử dụng để khen thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, viên chức và người lao động của Quỹ có thành tích trong công tác, học tập tại Quỹ; thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể của Quỹ có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả; mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định.

Ngoài ra, quỹ khen thưởng còn được dùng để thưởng cho các cá nhân, tập thể ngoài Quỹ có quan hệ, đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Quỹ; mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định.

4. Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Quỹ, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo thỏa thuận; chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động Quỹ; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, viên chức và người lao động của Quỹ; đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội và chi các hoạt động phúc lợi khác. Giám đốc Quỹ phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn Quỹ để quản lý, sử dụng quỹ này.

Chương VII

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Điều 38. Chế độ thông tin

Quỹ được trao đổi thông tin về hoạt động của Quỹ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và của Bộ có liên quan về thông tin và bảo mật.

Điều 39. Bảo mật thông tin

1. Cán bộ, viên chức và người lao động Quỹ và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương VIII

. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Con dấu

1. Con dấu của Quỹ được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền.
2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ quản lý và sử dụng con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 41. Hiệu lực của Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ do Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ đề xuất, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.
2. Các quy định nội bộ của Quỹ phải tuân thủ Điều lệ này.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với các điều khoản trong Điều lệ thì những điều khoản của quy định đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ. .
4. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này./.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quang